

Bản án số: 57/2022/HS-ST
Ngày: 12-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÊ THỊ DIỄM**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**

Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

- Thư ký phiên tòa: Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **ĐINH VĂN THÔNG** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 12/7/1995 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966 (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; Anh, em ruột có 01 người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp 10, xã M huyện C, tỉnh Tiền Giang, học đến lớp 11 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/7/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C. (Bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Hoàng H** (tên gọi khác Cu L), sinh năm 1984 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi đăng ký thường trú: ấp 04, xã P huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hoàng H, sinh năm 1966 và bà Lê Thị H, sinh năm 1965; Chung sống như vợ chồng với Văn Thị Ngọc T, sinh năm 1983 và có 03 con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp 4, xã P huyện C, tỉnh Tiền Giang, đến năm 25 tuổi chuyển đến sinh sống tại khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ngày 10/8/2000, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng, thời hạn 12 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng, đã chấp hành xong vào ngày 14/5/2001. Ngày 02/5/2002, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đưa vào Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Tiền Giang theo Quyết định số 63/QĐUB, đã chấp hành xong ngày 14/5/2003. Ngày 22/3/2004, bị Ủy ban nhân dân huyện

Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đưa vào Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội theo Quyết định số 567/QĐ.UBND, đã chấp hành xong ngày 13/12/2007. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/7/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C. (Bị cáo có mặt).

Bị hại:

1. Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

2. Chị **Bùi Thị Kim N**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Bùi Tấn D**, sinh năm 1997. Nơi cư trú: ấp A xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

2. Ông **Bùi Tấn T**, sinh năm 1965. Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

3. Chị **Văn Thị Ngọc T** sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số 256, tổ 1, khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

4. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1968. Nơi cư trú: ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn T và Lê Hoàng H là bạn bè chơi chung với nhau. Khoảng hơn 19 giờ ngày 21/7/2021, T và H bàn bạc thống nhất cùng đi cướp giật tài sản tại tiệm tạp hóa (không tên) ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Huỳnh Thị T làm chủ. Khoảng 20 giờ 12 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô biển số 63B1-039.23 (xe mô tô do T mượn của bạn là anh Bùi Tấn D) chở T đến tiệm tạp hóa của bà T. Khi đến nơi, H đậu xe cách tiệm tạp hóa khoảng 02 mét để cảnh giới cho T đi vào trong tiệm. Lúc này, trong tiệm tạp hóa có bà T và chị Bùi Thị Kim N (con dâu của bà T), T giả vờ hỏi mua nước yến, trong lúc chị N đi vào bên trong để lấy bán, T liền giật tung gân đựng tiền của bà T treo trên thanh gỗ bên trong tiệm cách chỗ bà T ngồi trên nền xi măng khoảng 1m, bà T liền truy hô, T tiếp tục chạy chèn qua người bà T và nhanh chóng cầm lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus màu vàng đồng, 64Gb bên ngoài có ốp lưng nhiều màu hồng, xanh, vàng (màu cầu vồng) của chị N để trên tủ lạnh đựng kem ở bên ngoài gần chỗ bà T ngồi rồi chạy lại chỗ H đậu xe đợi sẵn; sau đó, H điều khiển xe mô tô chở T để tẩu thoát. Khi đến khu vực đường đàng nông thôn ở ấp A, xã Đ, huyện C (gần công ấp văn hóa ấp A), H dừng xe lại, cả hai lấy toàn bộ số tiền trong tung gân bỏ vào túi quần, H ném tung gân xuống mương nước cạnh đường đàng rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô trên chở T về nhà H ở khu 4, thị trấn C, huyện C. Tại đây, H nhờ vợ là chị Văn Thị Ngọc T phụ đếm tiền, sau khi kiểm tra được số tiền cướp giật được là 6.920.000 đồng, H chia cho T 3.370.000 đồng, H giữ 3.350.000 đồng, cho chị T 200.000 đồng, riêng điện thoại di động Iphone 6S plus màu vàng đồng vừa chiếm đoạt, H dùng miếng vải màu đen quấn lại rồi bỏ vào trong bọc nylon màu trắng và để lên trên máng xối cạnh nhà H. H sử dụng toàn bộ số tiền cướp giật được để nạp tiền chơi game và thua hết, T sử dụng 370.000 đồng để mua ma túy để sử dụng, số tiền còn lại 3.000.000 đồng T đưa cho bà Nguyễn Thị T để gửi cho mẹ T đang điều trị

bệnh. Ngày 23/7/2021, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc đối với H và T, cả hai đã thừa nhận hành vi cướp giật tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 139/KLĐG-TTHS ngày 03/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Cái Bè, xác định: 01 điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6S plus, màu vàng, 64Gb có giá trị là 2.880.000 đồng.

Quá trình điều tra, H và T chỉ thừa nhận cướp giật số tiền 6.920.000 đồng. Bà Huỳnh Thị T khai bị cướp giật số tiền khoảng 22.000.000 đồng. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không có chứng cứ chứng minh số tiền bị cướp giật là 22.000.000 đồng nên chỉ đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với H và T với số tiền chiếm đoạt là 6.920.000 đồng.

Vật chứng của vụ án:

- 01 nón bảo hiểm loại nón sơn màu xám; 01 quần jean màu xanh, trắng, loại quần lửng, dây kéo bị hư; 01 áo thun màu đen, phía trước ngực áo có màu trắng, đỏ, loại cổ tròn; 01 đôi dép nhựa cũ màu trắng hiệu fashion, quay ngang, trên quay có sọc màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; Tiền Việt Nam 410.000 đồng; 01 túi gân, sọc caro màu đỏ, vàng, quai màu đỏ kích thước 40 x 60cm; 01 điện thoại di động Iphone 6S plus màu vàng đồng, 64Gb, ốp lưng nhiều màu hồng, xanh, vàng; Tiền Việt Nam 200.000 đồng (gồm các mệnh giá 1.000 đồng, 2.000 đồng, 5.000 đồng); 01 quần sọt jean màu xanh đã qua sử dụng, phía sau lưng có nền hiệu màu xanh, đỏ, vàng, đen ghi chữ SUP bằng kim loại, phía hong bên trong có ghi chữ size 30, V_Mens; 01 nón bảo hiểm đã qua sử dụng màu đen, có chữ “NON SON”; 01 nón bảo hiểm hiệu Mobifone màu xanh bị xịt sơn màu đen lên trên nón; 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM màu xanh bạc, biển số 63B1-039.23, loại ELEGANT II; 01 áo khoác màu xám bằng vải kaki; 01 dép kẹp màu đỏ; Tiền Việt Nam 3.000.000 đồng.

Ngày 19/9/2021, Cơ quan điều tra đã trao trả 01 điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6S plus màu vàng đồng, 64Gb, ốp lưng nhiều màu hồng, xanh, vàng (màu cầu vồng) cho chị Bùi Thị Kim N; trao trả số tiền 3.200.000 đồng cho bà Huỳnh Thị T.

Đối với xe 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM màu xanh bạc, biển số 63B1-039.23, loại ELEGANT II và 01 nón bảo hiểm hiệu Mobifone màu xanh bị xịt sơn màu đen là của Bùi Tấn D cho T mượn sử dụng, việc T sử dụng làm phương tiện phạm tội D không biết nên ngày 03/12/2021, Cơ quan điều tra đã trao trả 01 xe mô tô biển số 63B1-039.23 và nón bảo hiểm trên cho chủ sở hữu.

Những vật chứng còn lại, Cơ quan điều tra đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện C tiếp tục bảo quản chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Huỳnh Thị T yêu cầu bị cáo H và bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền 18.800.000 đồng; chị Bùi Thị Kim N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền sửa chữa điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6S plus, màu vàng đồng, 64Gb là 350.000 đồng. Hiện tại, cả hai bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSCB ngày 13/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H phạm tội “Cướp giật tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171, Điều 38, Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 đến 03 năm tù, bị cáo Lê Hoàng H từ 02 đến 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Hoàng H đã thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Khoảng 20 giờ 12 phút ngày 21/7/2021, tại tiệm tạp hóa không tên của bà Huỳnh Thị T ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Hoàng H cùng có hành vi cướp giật tài sản của bà Huỳnh Thị T số tiền 6.920.000đồng, của chị Bùi Thị Kim N 01 điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6S plus màu vàng đồng, 64Gb, ốp lưng nhiều màu hồng, xanh, vàng (màu cầu vồng) có giá trị là 2.880.000đồng. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 9.800.000 đồng. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo T và bị cáo H đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 171 Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, nó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội rất táo bạo và liều lĩnh. Bản thân các bị cáo nhận thức được rằng cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo bất chấp tất cả thực hiện việc phạm tội. Xét tính chất, vai trò, mức độ phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này do hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội. Khi thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản, bị cáo T là người thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Còn bị cáo H là người giúp sức cho bị cáo T, nhưng xét về nhân thân bị cáo H có nhân thân xấu: Ngày 10/8/2000, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng, thời hạn 12 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng, đã chấp hành xong vào ngày 14/5/2001. Ngày 02/5/2002, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đưa vào Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Tiền Giang theo Quyết định số 63/QĐUB, đã chấp hành xong ngày 14/5/2003. Ngày 22/3/2004, bị Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đưa vào Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội theo Quyết định số 567/QĐ.UBND, đã chấp hành xong ngày 13/12/2007. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt của hai bị cáo là ngang nhau. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo là cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho những ai đang có tư tưởng phạm tội như các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H chưa thành khẩn khai báo về vai trò của từng bị cáo trong vụ án nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bà Huỳnh Thị T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H tiếp tục bồi thường số tiền 18.800.000đồng; chị Bùi Thị Kim N yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H bồi thường số tiền sửa chữa điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6S plus, màu vàng đồng 64Gb là 350.000 đồng. Bà Huỳnh Thị T đã nhận lại số tiền 3.200.000đồng. Tại phiên tòa bị cáo T và bị cáo H thừa nhận chỉ cướp giật của bà Huỳnh Thị T số tiền 6.920.000đồng, bị cáo T đồng ý bồi thường cho bà T số tiền 370.000đồng, bị cáo H đồng ý bồi thường cho bà T số tiền 3.350.000đồng. Bị cáo T và bị cáo H đồng ý liên đới bồi thường cho chị Bùi Thị Kim N số tiền 350.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này cả hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm nên cả hai bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại. Bà Huỳnh Thị T yêu cầu bị cáo T và bị cáo H bồi thường tiếp số tiền 18.800.000đồng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh số tiền bị cướp giật là 22.000.000đồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H liên đới bồi thường cho bà Huỳnh Thị T số tiền 3.720.000đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H liên đới bồi thường cho chị Bùi Thị Kim N số tiền 350.000đồng.

[4] Về vật chứng của vụ án: đối với 01 (một) nón bảo hiểm loại nón sơn màu xám; 01 (một) quần jean màu xanh, trắng, loại quần lửng, dây kéo bị hư; 01 (một) áo thun màu đen, phía trước ngực áo có màu trắng, đỏ, loại cổ tròn; 01 (một) đôi dép nhựa cũ màu trắng hiệu fashion, quay ngang, trên quay có sọc màu đen; 01 (một) tung gân, sọc caro màu đỏ, vàng, quai màu đỏ kích thước 40 x 60 cm; 01 (một) quần sọt jean màu xanh đã qua sử dụng, phía sau lưng có nền hiệu màu xanh, đỏ, vàng, đen ghi chữ SUP bằng kim loại, phía hong bên trong có ghi chữ size 30, V_ Mens; 01 (một) nón bảo hiểm đã qua sử dụng màu đen có chữ “NON SON”; 01 (một) áo khoác màu xám bằng vải kaki; 01 (một) dép kẹp màu đỏ hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) bao thư niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn T, có đóng dấu mộc tròn đỏ có nội dung Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C bên trong có số tiền 410.000đồng đây là tiền cá nhân của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (máy không lên nguồn, không khởi động được, không kiểm tra được chi tiết bên trong máy) là tài sản cá nhân của bị cáo Lê Hoàng H, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố phía Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; Điều 38, Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự.
- Căn cứ vào các Điều 357, 468, 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ vào các Điều 106, 135, khoản 2 Điều 136, 331, 332, 333, 334 của Bộ luật tố tụng hình sự.
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 23 tháng 7 năm 2021.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 23 tháng 7 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H liên đới bồi thường cho bà Huỳnh Thị T số tiền 3.720.000đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H liên đới bồi thường cho chị Bùi Thị Kim N số tiền 350.000đồng.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị T, chị Bùi Thị Kim N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H chậm thi hành đối với số tiền nêu trên thì bà Huỳnh Thị T, chị Bùi Thị Kim N có quyền yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) nón bảo hiểm loại nón sơn màu xám; 01 (một) quần jean màu xanh, trắng, loại quần lửng, dây kéo bị hư; 01 (một) áo thun màu đen, phía trước ngực áo có màu trắng, đỏ, loại cổ tròn; 01 (một) đôi dép nhựa cũ màu trắng hiệu fashion, quay ngang, trên quay có sọc màu đen; 01 (một) tung gân, sọc caro màu đỏ, vàng, quai màu đỏ kích thước 40 x 60 cm; 01 (một) quần sọt jean màu xanh đã qua sử dụng, phía sau lưng có nền hiệu màu xanh, đỏ, vàng, đen ghi chữ SUP bằng kim loại, phía hong bên trong có ghi chữ size 30, V_Mens; 01 (một) nón bảo hiểm đã qua sử dụng màu đen có chữ “NON SON”; 01 (một) áo khoác màu xám bằng vải kaki; 01 (một) dép kẹp màu đỏ.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền Việt Nam là 410.000đồng (Trong bao thư niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn T, có đóng dấu mộc tròn đỏ có nội dung Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C).

- Trả lại cho bị cáo Lê Hoàng H 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (máy không lên nguồn, không khởi động được, không kiểm tra được chi tiết bên trong máy).

(Hiện các vật chứng này do Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/01/2022).

4. Về án phí:

- Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Hoàng H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.
- Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hoàng H liên đới chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Lê Hoàng H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Văn Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Án tuyên vào lúc 10 giờ 30 phút, ngày 12/4/2022 có mặt bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Lê Hoàng H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Văn Thị Ngọc T bà Nguyễn Thị T và Kiểm sát viên; Vắng mặt bị hại bà Huỳnh Thị T, chị Bùi Thị Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tấn T anh Bùi Tấn D.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Công an huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diễm

